CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

KẾ HOẠCH
ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NGUỒN VỐN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2019

(Kèm theo Quyết định số 1262/QĐ-UBND ngày 28/12/2018 của UBND huyện Chư Prông)



THÁNG 12 NĂM 2018

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN CHƯ PRÔNG	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 1262/QĐ-UBND	*Chư Prông, ngày 28 tháng 12 năm 2018*

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giao kế hoạch vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách nhà nước năm 2019

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015;

Căn cứ Luật Đầu tư công năm 2014;

Căn cứ Nghị định số 77/2015/NĐ-CP ngày 10/9/2015 của Chính phủ về kế hoạch đầu tư công trung hạn và hàng năm; Nghị định 136/2015/NĐ-CP ngày 31/12/2015 của Chính phủ hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư công; Nghị định số 120/2018/NĐ-CP ngày 13/9/2018 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định 77/2015 ngày 10/9/2015 của Chính phủ về kế hoạch đầu tư công trung hạn và hàng năm, số 136/2015/NĐ-CP ngày 31/12/2015 của Chính phủ hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư công và số 161/2016/NĐ-CP ngày 02/12/2016 của Chính phủ về cơ chế đặc thù trong quản lý đầu tư xây dựng đối với một số dự án thuộc các Chương trình MTQG giai đoạn 2016 – 2020;

Căn cứ Quyết định số 603/QĐ-UBND ngày 21/12/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai về việc giao kế hoạch vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách địa phương năm 2019;

Căn cứ Nghị quyết số 69/NQ-HĐND ngày 11 tháng 12 năm 2018 của Hội đồng nhân dân huyện khoá XII tại kỳ họp thứ Sáu về việc phê duyệt kế hoạch đầu tư công năm 2019 nguồn vốn ngân sách huyện đầu tư;

Căn cứ Quyết định số 1159/QĐ-UBND ngày 21/12/2018 của UBND huyện Chư Prông về việc điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn nguồn vốn ngân sách huyện giai đoạn 2016 – 2020;

Xét đề nghị của Trưởng phòng Tài chính - Kế hoạch huyện,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giao chỉ tiêu kế hoạch vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách nhà nước năm 2019 cho Ban Quản lý dự án ĐTXD huyện và UBND các xã để triển khai thực hiện *(có biểu kế hoạch chi tiết kèm theo).*

Điều 2. Căn cứ vào kế hoạch vốn được phân bổ, Ban Quản lý dự án ĐTXD huyện, UBND các xã và các chủ đầu tư tổ chức triển khai, tổ chức thực hiện và quản lý các dự án đầu tư theo đúng quy trình quản lý đầu tư và xây dựng, đảm bảo phát huy hiệu quả vốn đầu tư theo đúng kế hoạch được giao.

Điều 3. Các Ông (Bà): Chánh văn phòng HĐND&UBND huyện, Trưởng phòng Tài chính - Kế hoạch, Giám đốc Ban Quản lý dự án ĐTXD huyện, Chủ tịch UBND các xã, các chủ đầu tư có tên tại điều 1 và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Sở KH&ĐT, Sở Tài chính (báo cáo)
- TT Huyện Ủy (báo cáo);
- TT HĐND huyện (báo cáo);
- Chủ tịch, các PCT UBND huyện;
- Lưu: VT+TH.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

Nguyễn Anh Dũng

KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG VỐN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2019
(NGUỒN VỐN NGÂN SÁCH HUYỆN QUYẾT ĐỊNH ĐẦU TƯ)
(Kèm theo Quyết định số: 1262/QĐ-UBND ngày 28 tháng 12 năm 2018 của UBND huyện Chư Prông)

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Địa điểm mở tài khoản của dự án	Mã số dự án đầu tư	Mã ngành kinh tế (loại, khoản)	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	QĐ đầu tư ban đầu hoặc QĐ đầu tư điều chỉnh đã được TTg giao KH các năm		Kế hoạch trung hạn 5 năm 2016-2020		Lũy kế số vốn đã bố trí từ đầu giai đoạn đến hết năm 2018		Kế hoạch năm 2019		Chủ đầu tư, đơn vị thực hiện	Ghi chú
								Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT								
									Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Ngân sách huyện	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Ngân sách huyện	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Ngân sách huyện	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Ngân sách huyện		
1	2	3				4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
	TỔNG SỐ								**128.390**	**121.500**	**104.850**	**104.850**	**40.814**	**40.814**	**49.300**	**49.300**		
A	**VỐN PHÂN CẤP CHO HUYỆN QUYẾT ĐỊNH ĐẦU TƯ**								49.447	43.790	34.140	34.140	10.467	10.467	19.300	19.300		
I	**Vốn dự phòng**								**9.650**	**9.650**								Năm 2019 không bố trí theo văn bản số 2475/UBND-KTTH ngày 02/11/2018 của UBND tỉnh
II	**Vốn chuẩn bị đầu tư**								**1.930**	**1.930**	**1.930**	**1.930**			**386**	**386**		
III	**Vốn thực hiện dự án**								**32.455**	**30.675**	**30.675**	**30.675**	**10.467**	**10.467**	**17.379**	**17.379**		
	Dự án dự kiến hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng giai đoạn 2016-2020								**32.455**	**30.675**	**30.675**	**30.675**	**10.467**	**10.467**	**17.379**	**17.379**		
1	Trường MG Măng Non	Ia Boòng	Huyện Chư Prông	7668261	071	Nhà cấp III 02tầng, DTXD khoảng 265m2 (Nhà hiệu bộ, 01 phòng chức năng, 01 phòng học, phòng y tế) và các HMP	2018-2019	2117/QĐ-UBND; 25/10/2017	3.050	2.900	2.900	2.900	2.300	2.300	600	600	Ban quản lý dự án ĐTXD huyện	Công trình chuyển tiếp từ 2018
2	Trường THCS Nguyễn Chí Thanh	Ia Băng	Huyện Chư Prông	7668176	073	Nhà cấp III 02 tầng: Nhà học 06 phòng (03 phòng học + 03 phòng học chức năng) + Thiết bị DTXD khoảng 370 m2 và HMP	2018-2019	2126/QĐ-UBND; 31/10/2017	3.890	3.700	3.700	3.700	2.245	2.245	1.455	1.455	Ban quản lý dự án ĐTXD huyện	Công trình chuyển tiếp từ 2018
3	Đường từ Thị trấn Chư Prông đi xã Ia Tôr	Thị trấn, Ia Tôr	Huyện Chư Prông	7668183	292	Mở rộng mặt đường chiều dài 8km + HMP	2018-2019	2127/QĐ-UBND; 31/10/2017	8.420	8.000	8.000	8.000	5.536	5.536	2.464	2.464	Ban quản lý dự án ĐTXD huyện	Công trình chuyển tiếp từ 2018
4	Đường từ trung tâm xã đi làng Đê (đoạn từ thôn yên me đến làng Đê)	Ia Me	Huyện Chư Prông	7719144	292	Nền đường L=1.429,3m, rộng 6,5m mặt đường đá dăm láng nhựa Bm=3,5m + Hệ thống thoát nước	2019	2130/QĐ-UBND; 26/9/2018	2.600	2.340	2.340	2.340	90	90	2.250	2.250	Ban quản lý dự án ĐTXD huyện	
5	Nhà công an viên thường trực xã Thăng Hưng	Thăng Hưng	Huyện Chư Prông	7720574	341	DTXD 116m2 + HMP	2019	2188/QĐ-UBND; 18/10/2018	705	635	635	635	36	36	599	599	Ban quản lý dự án ĐTXD huyện	
6	Trường mẫu giáo Hướng Dương	Ia Phìn	Huyện Chư Prông	7720301	071	01 phòng học, 01 phòng chức năng DTXD 214m2, DTS 205m2+ HMP	2019	2189/QĐ-UBND; 18/10/2018	1.160	1.100	1.100	1.100	40	40	1.060	1.060	Ban quản lý dự án ĐTXD huyện	Công trình đạt chuẩn theo QĐ 483/QĐ-UBND tỉnh ngày 14/7/2016
7	Trường tiểu học Lương Thế Vinh	Thăng Hưng	Huyện Chư Prông	7720303	072	Nhà cấp III 02 tầng, DTXD 255m2, DTS 482m2 (gồm 04 phòng học,thư viện, phòng y tế) và các HMP	2019	2178/QĐ-UBND; 15/10/2018	2.950	2.800	2.800	2.800	80	80	2.720	2.720	Ban quản lý dự án ĐTXD huyện	Đầu tư để đạt chuẩn NTM năm 2019
8	Trường Mẫu giáo Tân Tiến	Ia Lâu	Huyện Chư Prông	7734516	071	Điểm trung tâm: Nhà học chức năng+phòng y tế DTXD 118m2; nhà học 01 phòng DT 93m2; nhà bếp DT 61m2; nhà để xe + HMP. Điểm trường thôn 3: Nhà học 02 phòng DTXD 185m2; cổng hàng rào + HMP	2019	2700/QĐ-UBND; 30/10/2018	2.890	2.750	2.750	2.750	60	60	2.690	2.690	Ban quản lý dự án ĐTXD huyện	Đầu tư để đạt chuẩn NTM năm 2020

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Địa điểm mở tài khoản của dự án	Mã số dự án đầu tư	Mã ngành kinh tế (loại, khoản)	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	QĐ đầu tư ban đầu hoặc QĐ đầu tư điều chỉnh đã được TTg giao KH các năm		Kế hoạch trung hạn 5 năm 2016-2020		Lũy kế số vốn đã bố trí từ đầu giai đoạn đến hết năm 2018		Kế hoạch năm 2019		Chủ đầu tư, đơn vị thực hiện	Ghi chú
								Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT								
									Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Ngân sách huyện	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Ngân sách huyện	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Ngân sách huyện	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Ngân sách huyện	
9	Trường tiểu học Phan Chu Trinh	Ia Drang	Huyện Chư Prông	7729650	072	Nhà cấp III, 02 tầng (gồm 06 Phòng học, thư viện, phòng thiết bị) DTXD khoảng 339m2, DTS 614m2. Sân bê tông DT 677m2	2019-2020	2701/QĐ-UBND; 30/10/2018	3.470	3.300	3.300	3.300	40	40	1.611	1.611	Ban quản lý dự án ĐTXD huyện	Công trình đạt chuẩn theo QĐ 483/QĐ-UBND tỉnh ngày 14/7/2016
10	Trường Tiểu học Phạm Hồng Thái	Ia Lâu	Huyện Chư Prông	7729645	072	Nhà cấp III, 02 tầng (Phòng hiệu bộ, thư viện, truyền thống, y tế) DTXD khoảng 295m2, DTX 581m2. Sân bê tông DT 75m2	2019-2020	2702/QĐ-UBND; 30/10/2018	3.320	3.150	3.150	3.150	40	40	1.930	1.930	Ban quản lý dự án ĐTXD huyện	Đầu tư để đạt chuẩn NTM năm 2020
IV	**Vốn Hỗ trợ xây dựng chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới và đối ứng các dự án, CT mục tiêu của tỉnh và TW**						**2017-2020**		**5.412**	**1.535**	**1.535**	**1.535**	-	-	**1.535**	**1.535**		
B	**TIỀN SỬ DỤNG ĐẤT**								**78.943**	**77.710**	**70.710**	**70.710**	**30.347**	**30.347**	**30.000**	**30.000**		
B.1	**TIỀN SỬ DỤNG ĐẤT HUYỆN QUYẾT ĐỊNH ĐẦU TƯ**								**58.943**	**57.710**	**54.710**	**54.710**	**22.347**	**22.347**	**25.000**	**25.000**		
I	**Vốn dự phòng**								**8.000**	**8.000**								**Năm 2019 không bố trí theo văn bản số 2475/UBND-KTTH ngày 02/11/2018 của UBND tỉnh**
II	**Chi phí bồi thường, giải phóng mặt bằng, tái định cư, chi cho quy hoạch, chi phí đo đạc, xây dựng hồ sơ địa chính và cơ sở dữ liệu dân cư**								**8.000**	**8.000**	**13.000**	**13.000**	**7.700**	**7.700**	**4.000**	**4.000**		
III	**Tiền sử dụng đất trích nộp quỹ phát triển đất**								**20.590**	**20.590**	**20.590**	**20.590**	**10.110**	**10.110**	**6.300**	**6.300**		
IV	**Tiền sử dụng đất dành cho đầu tư**								**22.353**	**21.120**	**21.120**	**21.120**	**4.537**	**4.537**	**14.700**	**14.700**		
IV.1	**Vốn chuẩn bị đầu tư**								**1.067**	**1.067**	**1.067**	**1.067**			**300**	**300**		
IV.2	**Vốn thực hiện dự án**								**21.286**	**20.053**	**20.053**	**20.053**	**4.537**	**4.537**	**14.400**	**14.400**		
	Dự án khởi công mới trong giai đoạn 2016-2020								**21.286**	**20.053**	**20.053**	**20.053**	**4.537**	**4.537**	**14.400**	**14.400**		
1	Trường THCS Nguyễn Trãi	Ia Boòng	Huyện Chư Prông	7668263	073	Nhà cấp III 02tầng, DTXD 380m2 (gồm 03 phòng chức năng, thư viện, phòng y tế, phòng truyền thống) và các hạng mục phụ.	2018-2019	2117C/QĐ-UBND; 25/10/2017	4.210	4.000	4.000	4.000	2.450	2.450	1.550	1.550	Ban quản lý dự án ĐTXD huyện	Công trình chuyển tiếp từ 2018
2	Đường vào thao trường huấn luyện Jít Tú	Bình Giáo	Huyện Chư Prông	7668184	292	Đường BTXM đá 2x4 M250 dày 18cm. Công trình cấp IV, tổng chiều dài khoảng 1200m. Mặt đường 3m nền 5m. Hệ thống thoát nước	2018-2019	2117A/QĐ-UBND; 25/10/2017	2.950	2.800	2.800	2.800	1.817	1.817	983	983	Ban quản lý dự án ĐTXD huyện	Công trình chuyển tiếp từ 2018
3	Trụ sở UBND xã Ia Lâu	Ia Lâu	Huyện Chư Prông	7722742	341	Nhà công an viên thường trực, hội trường, bộ phận một cửa DTXD 310m2 + HMP	2019	2331/QĐ-UBND; 26/10/2018	1.686	1.517	1.517	1.517	30	30	1.487	1.487	Ban quản lý dự án ĐTXD huyện	

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Địa điểm mở tài khoản của dự án	Mã số dự án đầu tư	Mã ngành kinh tế (loại, khoản)	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	QĐ đầu tư ban đầu hoặc QĐ đầu tư điều chỉnh đã được TTg giao KH các năm		Kế hoạch trung hạn 5 năm 2016-2020		Lũy kế số vốn đã bố trí từ đầu giai đoạn đến hết năm 2018		Kế hoạch năm 2019		Chủ đầu tư, đơn vị thực hiện	Ghi chú
								Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT								
									Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Ngân sách huyện	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Ngân sách huyện	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Ngân sách huyện	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Ngân sách huyện	
4	Trường THCS Lê Lợi	Ia Tôr	Huyện Chư Prông	7720572	073	Nhà cấp III 02 tầng, DTXD 380m2, DTS 728m2 (gồm 03 phòng chức năng, thư viện, phòng y tế, phòng truyền thống) và các HMP	2019-2020	2177/QĐ-UBND; 15/10/2018	4.650	4.336	4.336	4.336	95	95	3.880	3.880	Ban quản lý dự án ĐTXD huyện	Công trình đạt chuẩn theo QĐ 483/QĐ-UBND tỉnh ngày 14/7/2016
5	Trường Mẫu giáo Hoa Hồng	Thăng Hưng	Huyện Chư Prông	7724027	071	Nhà cấp III 02 tầng (gồm Nhà hiệu bộ, 03 phòng học, phòng y tế) DTXD 280m2, DTS 536m2. Nhà vệ sinh giáo viên 9m2. Tháo dỡ nhà hiện trạng. Cải tạo 02 phòng học thành phòng chức năng và các HMP	2019-2020	2334/QĐ-UBND; 26/10/2018	3.580	3.400	3.400	3.400	65	65	3.000	3.000	Ban quản lý dự án ĐTXD huyện	Đầu tư để đạt chuẩn NTM năm 2019
6	Trường THCS Trần Quốc Tuấn	Thăng Hưng	Huyện Chư Prông	7720573	073	Nhà cấp III 02 tầng, DTXD 380m2, DTS 737m2 (gồm 03 phòng chức năng, thư viện, phòng y tế, phòng truyền thống) và các HMP	2019-2020	2190/QĐ-UBND; 18/10/2018	4.210	4.000	4.000	4.000	80	80	3.500	3.500	Ban quản lý dự án ĐTXD huyện	Đầu tư để đạt chuẩn NTM năm 2019
B.2	**TIỀN SỬ DỤNG ĐẤT PHÂN CẤP CHO UBND CẤP XÃ**								**20.000**	**20.000**	**16.000**	**16.000**	**8.000**	**8.000**	**5.000**	**5.000**		

KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NGUỒN NGÂN SÁCH TỈNH NĂM 2019

(Kèm theo Quyết định số: 1262/QĐ-UBND ngày 28 tháng 12 năm 2018 của UBND huyện Chư Prông)

Đơn vị thực hiện: Ban quản lý dự án ĐTXD huyện

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Thời gian KC-HT	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Quyết định đầu tư ban đầu			Lũy kế đã bố trí vốn đến hết kế hoạch năm 2018		Kế hoạch đầu tư giai đoạn 2016-2020		Kế hoạch vốn đầu tư năm 2019		Ghi chú
					Số quyết định; ngày, tháng, năm	TMĐT								
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSĐP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSĐP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSĐP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSĐP	
	TỔNG SỐ					**81.000**	**81.000**	**28.960**	**28.960**	**72.800**	**72.800**	**25.640**	**25.640**	
A	**Vốn cân đối ngân sách tỉnh**					**81.000**	**81.000**	**28.960**	**28.960**	**72.800**	**72.800**	**25.640**	**25.640**	
1	Đầu tư cơ sở hạ tầng các xã biên giới huyện Chư Prông	2016-2020	H. Chư Prông	L=420 m, Bmặt 16m (kể cả dải phân cách rộng 2 m)thảm BTN nóng hạt trung dày 5cm + bù vênh	1250/QĐ-UBND; 29/12/2015	20.000	20.000	11.300	11.300	17.900	17.900	3.600	3.600	
2	Thủy lợi Ia Púch, xã Ia Púch	2018-2020	Ia Púch	Đập đất, tràn xả lũ, cống lấy nước, kênh chính L=3,801km; kênh nhánh L=3km…tưới 300ha (trong đó 60ha lúa 2 vụ và 240ha cây CN + hoa màu)	967/QĐ-UBND; 31/10/2017	53.000	53.000	17.500	17.500	47.700	47.700	15.000	15.000	
3	Trường THCS Lê Văn Tám, xã Ia Piơr	2019	Ia Piơr	Nhà học 08 phòng, cấp III, 02 tầng, DTS 712m2, DTXD 392m2. Nhà hiệu bộ, thư viện: 02 tầng, DTS 503m2, DTXD 286m2, thiết bị và các HMP	2121/QĐ-UBND; 25/9/2018	8.000	8.000	160	160	7.200	7.200	7.040	7.040	

DANH MỤC DỰ ÁN ĐÃ PHÊ DUYỆT QUYẾT TOÁN DỰ ÁN HOÀN THÀNH CÒN THIẾU VỐN

(Kèm theo Quyết định số:1262/QĐ-UBND ngày 28 tháng 12 năm 2018 của UBND huyện Chư Prông)

Đơn vị thực hiện: Ban quản lý dự án ĐTXD huyện

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Thời gian KC-HT	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Quyết định đầu tư ban đầu		Lũy kế đã bố trí vốn đến hết kế hoạch năm 2018	Giá trị quyết toán được duyệt	Lũy kế giải ngân từ KC đến hết kế hoạch năm 2018	Số vốn còn thiếu sau khi quyết toán dự án hoàn thành	Ghi chú
					Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT					
	TỔNG SỐ					**7.994**	**7.500,000**	**7.479,919**	**7.467,073**	**12,846**	
A	**Vốn xổ số kiến thiết**					**7.994**	**7.500,000**	**7.479,919**	**7.467,073**	**12,846**	
1	Trường THCS Kim Đồng, xã Ia O	2016	Ia O	Nhà học 08 phòng 2 tầng, DTS: 715m2; nhà hiệu bộ,thư viện 2 tầng, DTS 490m2 và các HMP	160/QĐ-SKHĐT; 30/10/2015	7.994	7.500,000	7.479,919	7.467,073	12,846	DA đã phê duyệt QTDA hoàn thành tại Quyết định số 80/ QĐ-STC ngày 19/10/2017

KẾ HOẠCH VỐN NGÂN SÁCH TỈNH ĐỐI ỨNG CHƯƠNG TRÌNH MTQG XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI NĂM 2019

(Kèm theo Quyết định số: 1262/QĐ-UBND ngày 28 /12/2018 của UBND huyện Chư Prông)

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Tên chương trình, dự án thành phần	KH vốn giai đoạn 2016-2020 được duyệt	Lũy kế số vốn đã bố trí đến năm 2018	Kế hoạch năm 2019	Ghi chú
	TỔNG SỐ	**4.916**	**1.356**	**1.635**	
I	**Vốn cân đối theo tiêu chí hỗ trợ thực hiện Chương trình KCH kênh mương và GTNT**	**1.488**	**500**	**495**	
1	Xã Ia Phìn	310	-	155	
2	Xã Ia Lâu	129	129	-	
3	Xã Thăng Hưng	596	196	200	
4	Xã Bàu Cạn	453	175	140	
II	**Nguồn xổ số kiến thiết**	**3.428**	**856**	**1.140**	
1	Xã Ia Bòong	1.714	428	570	
2	Xã Ia Lâu	1.714	428	570	

KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ NGUỒN THU TIỀN SỬ DỤNG ĐẤT PHÂN CẤP CHO CÁC XÃ QUYẾT ĐỊNH ĐẦU TƯ NĂM 2019

(Kèm theo Quyết định số: 1262/QĐ-UBND ngày 28 tháng 12 năm 2018 của UBND huyện Chư Prông)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Tên đơn vị	Kế hoạch vốn tiền sử dụng đất phân cấp cho xã năm 2019	Ghi chú
	Tổng số	**5.000**	
1	Xã Ia Bòong	500	
2	Xã Ia Phìn	300	
3	Xã Thăng Hưng	300	
4	Xã Bình Giáo	200	
5	Xã Ia Băng	600	
6	Xã Ia Pia	200	
7	Xã Ia Tôr	250	
8	Xã Ia Vê	250	
9	Xã Ia Lâu	250	
10	Xã Ia Me	210	
11	Xã Ia Mơ	100	
12	Xã Ia O	150	
13	Xã Ia Piơr	150	
14	Xã Ia Bang	100	
15	Xã Ia Drang	500	
16	Xã Ia Ga	200	
17	Xã Bàu Cạn	620	
18	Xã Ia Kly	120	